

CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ SOÁT XÉT

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 – 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 – 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Vải sợi may mặc miền Bắc (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 của Công ty đã được soát xét bởi các soát xét viên độc lập.

THÔNG TIN CHUNG

Công ty cổ phần Vải sợi may mặc miền Bắc là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008442 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 05/07/2005. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn kinh doanh, thành lập chi nhánh và thay đổi về địa chỉ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi từ lần 1 đến lần 6 ngày 06/06/2012; theo đó số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được thay đổi bằng mã số doanh nghiệp số 0100108127 tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 6 ngày 06/06/2012.

Công ty có 02 đơn vị phụ thuộc và 01 công ty con, cụ thể như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Công ty CP Vải sợi may mặc miền Bắc – Xí nghiệp xây dựng	Số 79 Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Chi nhánh Công ty CP Vải sợi may mặc miền Bắc – Trung tâm thời trang TEXTACO	Số 37 Lý Thường Kiệt, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Công ty TNHH một thành viên Vải sợi may mặc miền Bắc II (Công ty con)	Số 51 Trương Quốc Dung, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- *Kinh doanh bất động sản;*
- *Buôn bán hàng tiêu dùng;*
- *Xây dựng, kinh doanh dịch vụ kho, nhà xưởng, văn phòng làm việc;*
- *Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu hàng dệt, may, bông, vải, sợi, thuốc nhuộm, hoá chất (trừ hoá chất Nhà nước cấm), hàng đồ da và giả da, hàng điện máy, nguyên liệu, phụ liệu, máy móc thiết bị, nông lâm sản, thực phẩm, thủy sản, vật liệu xây dựng, giấy và văn phòng phẩm.*

Công ty có trụ sở chính tại số 37 Lý Thường Kiệt, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Nguyễn Như Lâm	Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Đinh Văn Tòng	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Vũ Văn Thiều	Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông Phạm Ngọc Phán	Ủy viên Hội đồng quản trị
- Bà Nguyễn Thị Bích Mùi	Ủy viên Hội đồng quản trị

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Nguyễn Như Lâm	Tổng Giám đốc	Từ 01/01/2012 đến ngày 28/03/2012
- Ông Vũ Văn Thiều	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 29/03/2012
- Ông Vũ Văn Thiều	Phó Tổng Giám đốc	Đến ngày 29/03/2012
- Bà Nguyễn Thị Bích Mùi	Phó Tổng Giám đốc	
- Bà Lê Kim Hoa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 29/03/2012

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NIÊN ĐỘ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán PKF Việt Nam đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 của Công ty cổ phần Vải sợi may mặc miền Bắc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính và đảm bảo báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 30/06/2012 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp đã được tuân thủ, những sai lệch trọng yếu (nếu có) đã được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2012

Đại diện cho HĐQT và Ban Giám đốc



VŨ VĂN THIẾU

Tổng Giám đốc

Số: 237/2012/BCSX - PKF

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

*Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vải sợi may mặc miền Bắc
cho kỳ tài chính từ 01/01/2012 đến 30/06/2012.*

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán PKF Việt Nam, đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 của Công ty cổ phần Vải sợi may mặc miền Bắc bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 được lập ngày 10/08/2012 từ trang 05 đến trang 27 đính kèm.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến nhận xét về Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 “Công tác soát xét Báo cáo tài chính”. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính đã điều chỉnh kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý xét trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN PKF VIỆT NAM



NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: 0445/KTV

Trang

NGUYỄN QUỲNH TRANG
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 1469/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính

Địa chỉ: Số 37 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		25.953.673.428	36.411.265.113
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	24.379.032.049	10.946.392.253
1. Tiền	111		1.809.032.049	1.846.392.253
2. Các khoản tương đương tiền	112		22.570.000.000	9.100.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.019.882.216	24.790.718.885
1. Phải thu khách hàng	131		489.137.193	948.482.120
2. Trả trước cho người bán	132		-	754.532.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	530.745.023	23.087.704.765
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	327.001.512	536.793.259
1. Hàng tồn kho	141		327.001.512	536.793.259
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		227.757.651	137.360.716
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		152.857.651	34.360.716
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		74.900.000	103.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		64.345.719.960	64.920.802.193
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		61.202.876.423	62.144.322.004
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	61.202.876.423	61.966.339.246
- Nguyên giá	222		90.491.300.827	89.664.092.566
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(29.288.424.404)	(27.697.753.320)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.5	-	177.982.758
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.6	2.729.439.590	2.729.439.590
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.6.1	2.729.439.590	2.729.439.590
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		413.403.947	47.040.599
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	413.403.947	47.040.599
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		90.299.393.388	101.332.067.306

CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC

Địa chỉ: Số 37 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính

từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		16.388.664.910	13.728.640.617
I. Nợ ngắn hạn	310		16.111.239.208	13.544.018.914
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		105.199.823	301.243.109
3. Người mua trả tiền trước	313		113.985.674	698.572.556
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8	8.742.305.473	7.345.386.175
5. Phải trả người lao động	315		2.273.257.815	2.721.033.922
6. Chi phí phải trả	316	V.9	76.060.000	286.332.749
7. Phải trả nội bộ	317		64.986.646	64.986.646
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.10	2.532.239.402	2.126.463.757
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.203.204.375	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		277.425.702	184.621.703
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		207.413.884	184.621.703
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		70.011.818	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		73.910.728.478	87.603.426.689
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.11	73.910.728.478	87.603.426.689
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		57.029.400.000	57.029.400.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		3.797.326	2.762.901
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.472.018.600	2.124.196.508
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.831.483.405	1.483.661.313
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		10.574.029.147	26.963.405.967
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		90.299.393.388	101.332.067.306

CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính

Địa chỉ: Số 37 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

(Tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	THUYẾT MINH	30/06/2012	31/12/2011
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược (m2)		51.095,60	26.914,50
4. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		112.084.216	112.084.216
5. Ngoại tệ các loại (USD)	V.1	2.500,29	28.435,13
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2012

NGUYỄN THỊ BÍCH MÙI

Kế toán trưởng

VŨ VĂN THIỀU

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Kỳ tài chính từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Kỳ tài chính từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.12	19.103.562.564	18.690.207.955
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.12	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.12	19.103.562.564	18.690.207.955
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.13	7.001.653.118	8.803.881.928
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.101.909.446	9.886.326.027
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.14	2.177.170.677	447.887.737
7. Chi phí tài chính	22	VI.15	312.708	10.892.581
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		404.940.965	311.113.844
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.046.518.544	4.092.801.981
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.827.307.906	5.919.405.358
11. Thu nhập khác	31		1.717.258.014	748.064.475
12. Chi phí khác	32		1.635.461.613	78.589.132
13. Lợi nhuận khác	40		81.796.401	669.475.343
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.909.104.307	6.588.880.701
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.16	1.460.922.341	1.602.255.175
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.448.181.966	4.986.625.526
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.18	1.306	874



NGUYỄN THỊ BÍCH MÙI
Kế toán trưởng

VŨ VĂN THIỀU
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC

Địa chỉ: Số 37 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính
từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Theo phương pháp trực tiếp

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Kỳ tài chính từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Kỳ tài chính từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	22.599.435.917	19.774.201.174
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(2.437.364.357)	(4.949.770.871)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(8.027.816.261)	(5.609.301.477)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(883.354.974)	(474.497.379)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	20.695.623.269	4.985.165.662
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(5.596.449.987)	(12.206.187.416)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	26.350.073.607	1.519.609.693
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(851.329.900)	(169.636.542)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(17.997.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	17.997.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.482.071.441	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	630.741.541	(169.636.542)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	48.600.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(1.088.832.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(13.551.972.678)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(13.551.972.678)	(1.040.232.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	13.428.842.470	309.741.151
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	10.946.392.253	1.188.990.104
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	3.797.326	35.521.107
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	24.379.032.049	1.534.252.362



NGUYỄN THỊ BÍCH MÙI
Kế toán trưởng



VŨ VĂN THIẾU
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**I. THÔNG TIN CHUNG**

Công ty cổ phần Vải sợi may mặc miền Bắc là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008442 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 05/07/2005. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn kinh doanh, thành lập chi nhánh và thay đổi về địa chỉ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi từ lần 1 đến lần 6 ngày 06/06/2012; theo đó số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được thay đổi bằng mã số doanh nghiệp số 0100108127 tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 6 ngày 06/06/2012.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

- *Kinh doanh bất động sản;*
- *Buôn bán hàng tiêu dùng;*
- *Xây dựng, kinh doanh dịch vụ kho, nhà xưởng, văn phòng làm việc;*
- *Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu hàng dệt, may, bông, vải, sợi, thuốc nhuộm, hoá chất (trừ hoá chất Nhà nước cấm), hàng đồ da và giả da, hàng điện máy, nguyên liệu, phụ liệu, máy móc thiết bị, nông lâm sản, thực phẩm, thủy sản, vật liệu xây dựng, giấy và văn phòng phẩm.*

Các đơn vị thành viên:

Công ty có 02 đơn vị phụ thuộc và 01 công ty con, cụ thể như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Công ty CP Vải sợi may mặc miền Bắc – Xí nghiệp xây dựng	Số 79 Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Chi nhánh Công ty CP Vải sợi may mặc miền Bắc – Trung tâm thời trang TEXTACO	Số 37 Lý Thường Kiệt, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Công ty TNHH một thành viên Vải sợi may mặc miền Bắc II (Công ty con)	Số 51 Trương Quốc Dung, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có trụ sở chính tại số 37 Lý Thường Kiệt, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Đến ngày 30/06/2012, tổng số cán bộ nhân viên hiện đang làm việc tại Công ty là 306 người, trong đó cán bộ quản lý là 25 người.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN.

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Thông tư số 206/2009/TT – BTC ngày 27/10/2009 hướng dẫn kế toán giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và Thông tư số 244/2009/TT – BTC ngày 31/12/2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

Niên độ kế toán của Công ty: Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đồng tiền hạch toán: Công ty sử dụng đồng Việt Nam (VND) để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đã được biết về hai mươi sáu (26) Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã được Bộ Tài chính ban hành như sau:

- Quyết định 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.
- Quyết định 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.

Tuân thủ các quyết định và thông tư hướng dẫn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam nói trên, Ban Giám đốc Công ty đã lựa chọn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có thể áp dụng được đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán hàng tồn kho trong việc xác định giá trị hàng xuất kho (*từ phương pháp nhập trước, xuất trước sang phương pháp bình quân gia quyền*). Công ty chưa thực hiện áp dụng hồi tố đối với thay đổi chính sách kế toán nêu trên.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi (-) các khoản dự phòng được ước tính cho các khoản phải thu khó đòi dựa trên cơ sở xem xét của Ban Giám đốc đối với các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá gốc của hàng tồn kho:

Bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng hoạt động. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau khi TSCĐ đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Thời gian sử dụng ước tính cụ thể của từng nhóm tài sản cố định như sau:

Tài sản	Khung khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc thiết bị	07 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị quản lý	05 năm
Tài sản cố định khác	04 - 10 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản đầu tư**

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập khi giá trị của các khoản đầu tư đang ghi nhận trên sổ kế toán cao hơn giá trị thị trường của chứng khoán hoặc phát sinh sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí bảo hiểm cháy nổ và giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa và giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh trong thời gian 24 tháng.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc năm tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Đến thời điểm thực chi, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phần chênh lệch với số đã trích (nếu có). Các khoản chi phí phải trả tại ngày kết thúc kỳ tài chính bao gồm chi phí tiền lương quản lý điện tại khu vực kho Đức Giang, Giải Phóng, Lạc Trung và chi phí vệ sinh văn phòng.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh không phải bằng đồng Việt Nam được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền và các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động trước thuế của Công ty bị lỗ thì một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh các năm sau để doanh nghiệp không bị lỗ nhưng phải đảm bảo phần chênh lệch tỷ giá tính vào chi phí trong năm ít nhất cũng phải bằng chênh lệch tỷ giá của số ngoại tệ đến hạn phải trả trong năm đó.

Việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo các quy định hiện hành về xử lý chênh lệch tỷ giá, lợi nhuận trước thuế của Công ty cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2012 sẽ giảm 3.797.326 đồng và khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 30/06/2012 sẽ tăng một khoản tương ứng so với việc áp dụng theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) 10. Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái theo hướng dẫn của các quy định hiện hành về xử lý chênh lệch tỷ giá và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn của VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Vốn chủ sở hữu -**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2012 là số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ đi (-) thuế thu nhập doanh nghiệp và số dư còn lại sau khi thực hiện phân phối lợi nhuận của năm tài chính 2011.

Việc phân chia lợi nhuận và trích lập các quỹ được thực hiện theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và do Đại hội đồng cổ đông quyết định, cụ thể như sau:

- Trích 5% vào Quỹ dự trữ bắt buộc. Khi số dư của quỹ này bằng 10% vốn điều lệ của Công ty thì không trích nữa;
- Mức trích các quỹ khác sẽ căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm do Đại hội đồng cổ đông quyết định;
- Số còn lại sẽ được phân chia cho các cổ đông theo tỷ lệ vốn góp.

Doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán các sản phẩm may mặc được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có các yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cho thuê kho được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chênh lệch tỷ giá và cổ tức được chia từ khoản đầu tư vốn, hợp tác kinh doanh. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thuế**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập hiện hành của doanh nghiệp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (25%). Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm theo Nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc hội ngày 21/06/2012.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

		30/06/2012	31/12/2011
Tiền mặt tại quỹ	(i)	132.595.497	146.619.862
Tiền gửi ngân hàng	(ii)	1.676.436.552	1.699.772.391
Tiền đang chuyển		-	-
Các khoản tương đương tiền	(iii)	22.570.000.000	9.100.000.000
Cộng		24.379.032.049	10.946.392.253

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 30/06/2012 bao gồm:

	VND
Đồng Việt Nam (VND)	132.595.497
Cộng	132.595.497

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/06/2012 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Tiền gửi VNĐ		1.624.360.512
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - Sở giao dịch		1.166.750.888
+ Ngân hàng TMCP XNK - CN Hai Bà Trưng		6.617.889
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hoàn Kiếm		384.094.319
+ Ngân hàng NN & PTNT - CN Hà Nội		56.081.179
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hoàn Kiếm		1.169.392
+ Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Chương Dương		9.646.845
Tiền gửi USD	2.500,29	52.076.040
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - Sở giao dịch	549,42	11.443.320
+ Ngân hàng NN & PTNT - CN Hà Nội	554,20	11.542.878
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hoàn Kiếm	557,88	11.619.525
+ Ngân hàng TMCP XNK - CN Hai Bà Trưng	838,79	17.470.318
Cộng	2.500,29	1.676.436.552

(iii) Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 30/06/2012 bao gồm:

	VND
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - Sở giao dịch	7.800.000.000
+ Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Chương Dương	8.150.000.000
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hoàn Kiếm	6.620.000.000
Cộng	22.570.000.000

2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2012	31/12/2011
Phải thu khác	530.745.023	23.087.704.765
+ Tạm tính lãi tiền gửi KH	206.112.883	-
+ Phải thu ông Mai Đức Lâm	-	18.193.044.444
+ Tạm ứng cổ tức cho các cổ đông	-	4.507.869.600
+ Phải thu khác	324.632.140	386.790.721
Cộng	530.745.023	23.087.704.765

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****3. Hàng tồn kho**

	30/06/2012	31/12/2011
Hàng mua đang đi trên đường	-	-
Nguyên vật liệu tồn kho	43.761.116	49.722.307
Công cụ dụng cụ trong kho	24.656.357	6.241.580
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Thành phẩm tồn kho	256.970.795	479.216.128
Hàng hoá tồn kho	1.613.244	1.613.244
Hàng gửi đi bán	-	-
Hàng hoá kho bảo thuế	-	-
Tổng giá trị của hàng tồn kho	327.001.512	536.793.259
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK	327.001.512	536.793.259

CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC

Địa chỉ: Số 37 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính
từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

4. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, trang thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2012	78.092.821.435	6.970.555.808	2.290.683.324	731.395.207	1.578.636.792	89.664.092.566
Mua trong năm	-	-	-	-	1.033.870.000	1.033.870.000
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý nhượng bán	-	(110.816.483)	-	(95.845.256)	-	(206.661.739)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2012	78.092.821.435	6.859.739.325	2.290.683.324	635.549.951	2.612.506.792	90.491.300.827
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2012	17.599.273.148	6.898.874.179	1.239.095.216	658.616.482	1.301.894.295	27.697.753.320
Khấu hao trong năm	1.395.533.502	44.246.630	111.123.390	46.366.056	200.063.245	1.797.332.823
Tăng khác	-	-	102.304.113	-	-	102.304.113
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(110.816.483)	-	(95.845.256)	-	(206.661.739)
Giảm khác	-	-	-	(102.304.113)	-	(102.304.113)
Tại ngày 30/06/2012	18.994.806.650	6.832.304.326	1.452.522.719	506.833.169	1.501.957.540	29.288.424.404
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2012	60.493.548.287	71.681.629	1.051.588.108	72.778.725	276.742.497	61.966.339.246
Tại ngày 30/06/2012	59.098.014.785	27.434.999	838.160.605	128.716.782	1.110.549.252	61.202.876.423

Trong đó: Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng

Nguyên giá TSCĐ tạm thời không sử dụng:

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ đã dùng để chấp, cầm cố cho vay:

8.830.447.828 đồng

- đồng

- đồng

Thuyết minh báo cáo tài chính là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2012	31/12/2011
Tổng số chi phí XDCCB dở dang:	-	177.982.758
Trong đó các công trình lớn:		
+ Chi phí chỉ giới lập bản đồ khu vực Lạc Trung	-	43.354.181
+ Chi phí chỉ giới lập bản đồ khu vực Giáp Bát	-	27.203.091
+ Chi phí làm mái hiên để xe khu vực Lạc Trung	-	28.448.003
+ Chi phí làm kho tạm chứa đồ phế liệu	-	78.977.483

6. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2012	31/12/2011
Đầu tư vào công ty con	2.729.439.590	2.729.439.590
Đầu tư vào công ty liên kết	-	-
Đầu tư dài hạn khác	-	-
Tổng giá trị của các khoản đầu tư TC dài hạn	2.729.439.590	2.729.439.590
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	-	-
Giá trị thuần của các khoản ĐTTTC dài hạn	2.729.439.590	2.729.439.590

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****6. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)****6.1 Đầu tư vào các công ty con**

Tên đơn vị	Lĩnh vực kinh doanh	30/06/2012		31/12/2011	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị
Công ty TNHH một thành viên Vải sợi may mặc miền Bắc II	Mua bán hàng may mặc, sản phẩm dệt; kinh doanh nhà hàng ăn uống...	100%	2.729.439.590	100%	2.729.439.590
Cộng			2.729.439.590		2.729.439.590

7. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2012	31/12/2011
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	-	-
Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	-
Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn	-	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	413.403.947	47.040.599
+ Chi phí sửa chữa văn phòng	344.945.614	37.500.000
+ Chi phí công cụ dụng cụ	68.458.333	9.540.599
Cộng	413.403.947	47.040.599

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2012	31/12/2011
Thuế giá trị gia tăng	813.757.196	23.126.041
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.895.816.439	7.318.249.072
Thuế thu nhập cá nhân	7.381.838	4.011.062
Thuế tài nguyên	-	-
Thuế đất và tiền thuê đất	25.350.000	-
Các loại thuế khác	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Cộng	8.742.305.473	7.345.386.175

9. Chi phí phải trả

	30/06/2012	31/12/2011
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	-
Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh	-	-
Chi phí phải trả khác	76.060.000	286.332.749
+ Chi phí lương phải trả	72.300.000	-
+ Chi phí phải trả khác	3.760.000	286.332.749
Cộng	76.060.000	286.332.749

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(Tiếp theo)****10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	30/06/2012	31/12/2011
Tài sản thừa chờ giải quyết	12.363.061	-
Kinh phí công đoàn	48.201.464	45.400.992
Bảo hiểm xã hội	-	-
Bảo hiểm y tế	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
Kinh phí Đảng	-	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	2.471.674.877	2.081.062.765
+ Tiền đặt cọc dịch vụ cho thuê kho, xưởng	2.068.063.500	2.046.851.500
+ Tiền đặt cọc của Công ty CP tư vấn đầu tư tài chính toàn cầu	150.000.000	-
+ Cổ tức phải trả cổ đông năm 2011	121.732.400	-
+ Các khoản phải trả khác	131.878.977	34.211.265
Cộng	2.532.239.402	2.126.463.757

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

11. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại 31/12/2010	57.029.400.000	-	-	(32.758.206)	1.140.943.547	1.083.613.486	9.349.570.110	68.570.768.937
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	26.955.977.931	26.955.977.931
Tăng khác	-	-	-	55.455.079	983.252.961	400.047.827	135.274.714	1.574.030.581
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-	-	(7.984.116.000)	(7.984.116.000)
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	-	(1.493.300.788)	(1.493.300.788)
Giảm khác	-	-	-	(19.933.972)	-	-	-	(19.933.972)
Số dư tại 31/12/2011	57.029.400.000	-	-	2.762.901	2.124.196.508	1.483.661.313	26.963.405.967	87.603.426.689
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	7.448.181.966	7.448.181.966
Tăng khác (*)	-	-	-	-	1.347.822.092	1.347.822.092	-	2.695.644.184
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	3.797.326	-	-	-	3.797.326
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông (*)	-	-	-	-	-	-	(18.176.706.000)	(18.176.706.000)
Phân phối các quỹ (*)	-	-	-	-	-	-	(5.660.852.786)	(5.660.852.786)
Giảm khác	-	-	-	(2.762.901)	-	-	-	(2.762.901)
Số dư tại 30/06/2012	57.029.400.000	-	-	3.797.326	3.472.018.600	2.831.483.405	10.574.029.147	73.910.728.478

(*): Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 26/03/2012, lợi nhuận sau thuế năm 2011 được dùng để trích Quỹ đầu tư phát triển là 1.347.822.092 đồng, Quỹ dự phòng tài chính là 1.347.822.092 đồng, Quỹ khen thưởng phúc lợi là 2.965.208.602 đồng và chi trả cổ tức năm 2011 là 18.176.706.000 đồng (tỷ lệ 20% trên vốn).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(Tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	30/06/2012			31/12/2011		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	CP ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	CP ưu đãi
Vốn đầu tư của Nhà nước	16.341.140.000	16.341.140.000	-	16.341.140.000	16.341.140.000	-
Vốn góp của các cổ đông	40.688.260.000	40.688.260.000	-	40.688.260.000	40.688.260.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
Cộng	57.029.400.000	57.029.400.000	-	57.029.400.000	57.029.400.000	-

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Kỳ tài chính từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Kỳ tài chính từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	57.029.400.000	57.029.400.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	57.029.400.000	57.029.400.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	18.176.706.000	7.984.116.000

Cổ phiếu:

	30/06/2012	31/12/2011
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.702.940	5.702.940
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.702.940	5.702.940
+ Cổ phiếu phổ thông	5.702.940	5.702.940
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.702.940	5.702.940
+ Cổ phiếu phổ thông	5.702.940	5.702.940
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu:

	30/06/2012	31/12/2011
Quỹ đầu tư phát triển	3.472.018.600	2.124.196.508
Quỹ dự phòng tài chính	2.831.483.405	1.483.661.313
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Mục đích trích lập các quỹ:

+ Quỹ đầu tư phát triển được sử dụng cho việc đầu tư mở rộng các hoạt động kinh doanh trong tương lai như đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác, mua sắm TSCĐ, xây dựng cơ bản, nghiên cứu và phát triển, đào tạo và cải thiện môi trường làm việc.

+ Quỹ dự phòng tài chính được trích lập để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất và của tổ chức bảo hiểm hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nhân tố khách quan hoặc do các trường hợp bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND)

12. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ tài chính từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Kỳ tài chính từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.103.562.564	18.690.207.955
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng	-	17.521.256
Doanh thu gia công	5.259.904.417	7.198.065.614
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.843.658.147	11.474.621.085
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Chiết khấu thương mại	-	-
Giảm giá hàng bán	-	-
Hàng bán bị trả lại	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
Thuế xuất khẩu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.103.562.564	18.690.207.955
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm hàng hoá	-	17.521.256
Doanh thu thuần gia công	5.259.904.417	7.198.065.614
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	13.843.658.147	11.474.621.085

13. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ tài chính từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Kỳ tài chính từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Giá vốn hàng hoá đã bán	-	19.028.100
Giá vốn gia công	4.606.458.896	6.642.088.282
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	2.395.194.222	2.142.765.546
Chi phí kinh doanh BĐS đầu tư	-	-
Hao hụt, mất mát hàng tồn kho	-	-
Các khoản chi phí vượt mức bình thường	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	7.001.653.118	8.803.881.928

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)****14. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ tài chính từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Kỳ tài chính từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.006.110.399	209.887.737
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	973.318.334	238.000.000
Lãi bán ngoại tệ	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	29.024.444	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Lãi bán hàng trả chậm	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	168.717.500	-
Cộng	2.177.170.677	447.887.737

15. Chi phí tài chính

	Kỳ tài chính từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Kỳ tài chính từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Lãi tiền vay	-	-
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	-
Lỗ do bán ngoại tệ	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	312.554	10.892.581
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-
Chi phí tài chính khác	154	-
Cộng	312.708	10.892.581

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)****16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ tài chính từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Kỳ tài chính từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.460.922.341	1.602.255.175
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNDH của năm nay	-	-
Cộng	1.460.922.341	1.602.255.175

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và kết quả của lãi/lỗ theo báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nhân với thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty.

	Kỳ tài chính từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Kỳ tài chính từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	8.909.104.307	6.588.880.701
<u>toán</u>	<u>(560.976.644)</u>	<u>(179.860.000)</u>
<u>Các khoản điều chỉnh tăng</u>	<u>412.341.690</u>	<u>58.140.000</u>
Các khoản phạt	-	-
Chi phí quảng cáo vượt quá mức cho phép	-	-
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	412.341.690	58.140.000
Doanh thu chưa thực hiện tính vào thu nhập chịu thuế	-	-
Chi phí đã được khấu trừ thuế từ các năm trước	-	-
<u>Các khoản điều chỉnh giảm</u>	<u>(973.318.334)</u>	<u>(238.000.000)</u>
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(973.318.334)	(238.000.000)
Doanh thu đã tính vào thu nhập chịu thuế của (các) kỳ trước	-	-
Chi phí liên quan đến doanh thu chưa thực hiện tính vào thu nhập chịu thuế	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước	8.348.127.663	6.409.020.701
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	8.348.127.663	6.409.020.701
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	1.460.922.341	1.602.255.175
Thuế TNDN phải trả đầu năm	7.318.249.072	621.859.600
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu (thừa) năm trước	-	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(883.354.974)	(474.497.379)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	7.895.816.439	1.749.617.396

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)****17. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ tài chính từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	230.710.536
Chi phí nhân công	7.004.904.198
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.797.332.823
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.940.662.057
Chi phí khác bằng tiền	1.832.168.929
Cộng	12.805.778.543

18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Kỳ tài chính từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Kỳ tài chính từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.448.181.966	4.986.625.526
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	7.448.181.966	4.986.625.526
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.702.940	5.702.940
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.306	874

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được xác định như sau:

	Kỳ tài chính từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Kỳ tài chính từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	5.702.940	5.702.940
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm lưu hành trong năm	-	-
Trừ: Số lượng cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.702.940	5.702.940

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên có liên quan**Các bên liên quan:

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)****1. Thông tin về các bên có liên quan (Tiếp theo)**

Thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Ban thư ký của Công ty phát sinh trong năm, chi tiết như sau:

	Kỳ tài chính từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Kỳ tài chính từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Tiền lương và phụ cấp	464.771.626	230.788.666
Tiền thưởng	55.420.000	4.650.000
Các khoản khác	82.143.000	8.500.000
Cộng	602.334.626	243.938.666

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào 31/12/2011 và báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO.


NGUYỄN THỊ BÍCH MÙI

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2012

**VŨ VĂN THIẾU**

Tổng Giám đốc